

Số: 1480/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo
ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 8825/QĐ-ĐHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy định xây dựng và rà soát chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp, kỳ họp thứ 3, nhiệm kỳ 2025 – 2030 thông qua chủ trương mở ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103;

Căn cứ kết luận của Biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103, ngày 26 tháng 01 năm 2026 và kết quả xây dựng Đề án mở ngành;

Căn cứ Biên bản họp ngày 15 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án mở ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103 của Trường Đại học Đồng Tháp (kèm theo Khung chương trình và Bản mô tả Chương trình đào tạo).



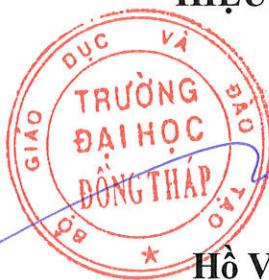
Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng trong tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngành Quản lý đất đai, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8850103 của Trường Đại học Đồng Tháp kể từ năm 2026.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng khoa Nông nghiệp, Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện)
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Trường (để chỉ đạo);
- Website Trường (để công bố);
- Lưu: VT, TSP, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống





KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH : QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
MÃ NGÀNH: 8850103

(Kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-ĐHDT ngày 26 /3/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

- 1. Loại chương trình đào tạo:** Định hướng ứng dụng
- 2. Hình thức đào tạo:** Vừa làm vừa học
- 3. Thời gian đào tạo:** 02 năm (24 tháng)
- 4. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:** Bằng Thạc sĩ.
- 5. Giới thiệu chương trình đào tạo**

5.1. Mục tiêu đào tạo

5.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu về quản lý đất đai để có năng lực nghiên cứu độc lập, hoạch định chính sách, đổi mới và ứng dụng công nghệ số trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng lãnh đạo, quản trị dự án, chuyển giao khoa học - công nghệ, liên kết nghiên cứu đa ngành và triển khai các giải pháp quản lý đất đai bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

5.1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Nội dung
PO1	Phân tích kiến thức chuyên sâu về triết học, pháp luật, kinh tế - xã hội, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và sử dụng đất đai một cách toàn diện và hiệu quả.
PO2	Đánh giá và phản biện chính sách, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và đảm bảo công bằng xã hội.
PO3	Xác định được các giải pháp khoa học - công nghệ trong đo đạc, lập bản đồ, quản trị dữ liệu không gian và hỗ trợ ra quyết định nhằm nâng cao tính hiệu quả trong quản lý đất đai.
PO4	Thực hiện độc lập hoặc phối hợp nhóm trong nghiên cứu, đánh giá và công bố các kết quả khoa học phục vụ lĩnh vực quản lý đất đai.
PO5	Lãnh đạo, tổ chức và điều phối các nhóm hoặc dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai trên cơ sở tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp, hướng đến phát triển bền vững.

5.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs –Program Learning Outcomes)	Mức độ năng lực
1. Kiến thức	
PLO1. Phân tích kiến thức chuyên sâu về quản lý đất đai, pháp luật, kinh tế - xã hội, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý và sử dụng đất.	4/6
PLO2. Phân biện chính sách, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và đảm bảo công bằng xã hội	5/6
PLO3. Đánh giá các tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường	5/6
PLO4. Xác định phương pháp nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu và triển khai đề tài/dự án khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường.	5/6
2. Kỹ năng	
PLO5. Đề xuất giải pháp khoa học - công nghệ trong trắc địa, bản đồ, quản trị dữ liệu không gian và hỗ trợ ra quyết định phục vụ quản lý đất đai hiệu quả.	4/6
PLO6. Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành, phần mềm phân tích không gian, mô hình hóa, và các công cụ công nghệ số phục vụ quản lý, công bố kết quả và ra quyết định.	6/6
PLO7. Có Khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm nhóm để phối hợp nghiên cứu, thu thập - phân tích dữ liệu, công bố kết quả, và giải quyết các vấn đề về lĩnh vực quản lý đất đai, môi trường và tài nguyên thiên nhiên	5/6
3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO8. Chủ động đề xuất ý tưởng, dẫn dắt thực hiện nghiên cứu, điều phối dự án quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường; cải tiến và nâng cao hiệu quả công việc chuyên môn.	4/5
PLO9. Thực hành liêm chính, trung thực, có đạo đức nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường, phục vụ cộng đồng; tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực nghề nghiệp	5/5
PLO10. Có khả năng tự học, thích ứng với môi trường cạnh tranh, cập nhật tri thức mới và duy trì học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.	4/5

5.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm tại các vị trí sau:

- Cán bộ, chuyên viên, nhà quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, nông nghiệp và môi trường ở Trung ương và địa phương.

- Lãnh đạo, quản lý, chuyên viên tại Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị sự nghiệp tài nguyên các cấp

- Quản lý dự án, chuyên gia pháp lý tại các tập đoàn, doanh nghiệp bất động sản, xây dựng và quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn, hạ tầng và môi trường.

- Chuyên gia định giá, thẩm định tài sản tại các ngân hàng thương mại và tổ chức thẩm định giá độc lập

- Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

5.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, người học đủ điều kiện dự tuyển và theo học chương trình đào tạo ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở giáo dục đại học khác.

6. Nội dung của chương trình đào tạo

6.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

STT	Thành phần	Số tín chỉ		Tỷ lệ%
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Khối kiến thức chung	9	0	15
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	9	6	25
3	Khối kiến thức chuyên ngành	15	6	35
4	Khối kiến thức thực hành, thực tập, thực tế	6	0	10
5	Đề án thực sĩ	9		15
TỔNG CỘNG:		48	12	
		60		100.0

6.2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung			9				
1	GPN.801	Triết học	3	45	0	105	1
2	GEP.801	Ngoại ngữ	6	90	0	210	1
II. Kiến thức cơ sở ngành			15				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			9				
3	MLM.801	Năng lực số	3	15	60	90	1
4	MLM.802	Sử dụng và quy hoạch tài nguyên đất thích ứng biến đổi khí hậu	3	30	30	90	1
5	MLM.803	Phương pháp nghiên cứu và viết đề án trong quản lý đất đai	3	30	30	90	1
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6				

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiền độ
				LT	ThH	TH	
6	MLM.804	Pháp luật và thể chế trong quản lý đất đai	3	45	0	90	1
7	MLM.805	Quản trị công trong lĩnh vực đất đai	3	45	0	90	2
8	MLM.806	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	45	0	90	2
9	MLM.807	Môi trường và phát triển bền vững cộng đồng	3	30	30	90	2
III. Kiến thức chuyên ngành			21				
<i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			15				
10	MLM.808	Ứng dụng Viễn thám - GIS trong QLDD nâng cao	3	30	30	90	2
11	MLM.809	Chính sách đất đai và phát triển bền vững	3	30	30	90	2
12	MLM.810	Mô hình dự báo trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	30	30	90	2
13	MLM.811	Trắc địa địa chính nâng cao	3	30	30	90	2
14	MLM.812	Quản lý thông tin đất đai nâng cao	3	30	30	90	3
<i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>			6				
15	MLM.813	Quản trị dữ liệu không gian	3	45	0	90	2
16	MLM.814	Quản lý tài nguyên đất và công nghệ sạch	3	30	30	90	3
17	MLM.815	Quy hoạch không gian và phát triển bền vững	3	30	30	90	3
18	MLM.816	Quản lý dự án trong lĩnh vực đất đai - môi trường	3	30	30	90	3
19	MLM.817	Định giá đất và thị trường bất động sản số	3	30	30	90	3
20	MLM.818	Hệ thống quản lý đất đai theo chuẩn quốc tế	3	30	30	90	3
21	MLM.819	Quản lý đất nông nghiệp & nông nghiệp thông minh	3	30	30	90	3
<i>3. Thực tập nghề nghiệp</i>			6				
22	MLM.820	Thực tập Quản lý nhà nước về đất đai	3	5	80	65	3
23	MLM.821	Thực tập Công nghệ trắc địa, bản đồ	3	5	80	65	3
III. Đề án thực sĩ			9				
24	MLM.825	Đề án thực sĩ	9	0	180	270	4
Tổng số tín chỉ tích lũy			60	760	820		